

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

*“V/v Ly hôn, chia tài sản
chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Ông Âu Hoàng Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc *“Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1958 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Hiện đang bị tạm giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Bà Lê Thị O , sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp N , xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Huỳnh Văn Á , sinh năm 1979 (Có mặt).

- Chị Huỳnh Cẩm L1, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

- Chị Huỳnh Thị Cẩm L2, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N , xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm Đ , sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N , xã M , huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án, nguyên đơn Huỳnh Văn L trình bày:

Vào năm 1978, ông Huỳnh Văn L kết hôn với bà Lê Thị O nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 04 (bốn) người con chung là Huỳnh Văn Á nam) sinh năm 1979, Huỳnh Cẩm L1 (nữ) sinh năm 1981, Huỳnh Thị Cẩm Đ (nữ) sinh năm 1983 và Huỳnh Thị Cẩm L2 (nữ) sinh năm 1985. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, thường tranh chấp cãi vã nên không thể tiếp tục sống chung được nữa nên từ năm 2015, bà O bỏ nhà đi, sau đó 1 năm bà O về rồi tiếp tục năm 2017 lại đi. Sau này, thường xuyên bỏ đi, lâu lâu thì về nhà, ông L không biết bà O đi đâu nhưng thường xuyên bỏ đi.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị O .

- Về con chung: Cả 04 người con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay, ông L đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Sóc Trăng nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Theo đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 30/10/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị O trình bày: Bà Lê Thị O và ông Huỳnh Văn L kết hôn

vào năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn đúng như ông L trình bày. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 04 (bốn) người con chung là Huỳnh Văn Á (nam) sinh năm 1979, Huỳnh Cẩm L1 (nữ) sinh năm 1981, Huỳnh Thị Cẩm Đ (nữ) sinh năm 1983 và Huỳnh Thị Cẩm L2 (nữ) sinh năm 1985.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc nữa.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị O đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Văn L .

- Về con chung: Cả 04 người con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng tạo lập được tài sản chung gồm:

- + Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 197243, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0158/QSDD/58070210; được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L vào ngày 22/01/1997; diện tích 8.071m² thuộc các thửa 90, 268 và 270 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N, xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Trên đất có căn nhà cấp 4 do hai vợ chồng xây dựng vào năm 2006.

- + Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 630090, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02051/QSDD; được Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Bạc Liêu) cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L vào ngày 08/11/1995; diện tích 4.530m² thuộc thửa 0569 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp B , xã V , thành phố Bạc Liêu, nay là tỉnh Bạc Liêu.

- + 55 chỉ vàng 24K hiện nay do ông L quản lý.

- + 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) do ông L đang quản lý.

- + 02 chiếc xe mô tô: 1 chiếc xe Future biển kiểm soát 83H7 – 3860; 1 chiếc xe Sirius mang biển kiểm soát 94G1 – 00420.

Do bà O và ông L không thỏa thuận được về tài sản chung nên bà O yêu cầu tòa án chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

- + Chia cho con là Huỳnh Văn Á phần đất và căn nhà có diện tích 1.271m² tại phần đất số 90 bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N , xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

và 2.265m² thuộc thửa 0569 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp B , xã V , thành phố Bạc Liêu, nay là tỉnh Bạc Liêu.

+ Chia cho con là Huỳnh Cẩm L1 phần đất và căn nhà có diện tích 300m² tại phần đất số 270 bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N , xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và 2.265m² thuộc thửa 0569 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp B , xã V , thành phố Bạc Liêu, nay là tỉnh Bạc Liêu.

+ Diện tích 6.500m² thuộc các thửa 268 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N, xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; chia cho bà O và ông L mỗi người ½ diện tích.

+ Số vàng ông L đang quản lý, buộc ông L giao cho bà O 27,5 chỉ vàng 24k.

+ Số tiền ông L đang quản lý, buộc ông L giao cho bà O 125.000.000đồng.

+ 02 chiếc xe mô tô, yêu cầu ông L giao cho bà O 01 chiếc.

- Về nợ chung: Bà O khẳng định không có nợ và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Đến ngày 06/8/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm bà O có đơn yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn Á trình bày: Việc cha mẹ anh Á là ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Á không có ý kiến gì. Trước đây, bà O có đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nhưng nay bà O đã xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng ông L - bà O , anh Á thống nhất và cũng không có ý kiến gì.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu phản tố của bà O nhưng chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2 cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 20/9/2024, chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2 vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Bị đơn bà Lê Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn Á đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; nguyên đơn Huỳnh Văn L có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2 mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Huỳnh Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2 theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Lê Thị O ; các con trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn bà Lê Thị O do bị đơn rút yêu cầu; Quyết định về nghĩa vụ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn L khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông bà Lê Thị O . Yêu cầu của ông L được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn L có yêu cầu giải quyết vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2 đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại trình bày xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật Tổ tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Cẩm L1, chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và chị Huỳnh Thị Cẩm L2.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, giấy khai sinh của các con thì việc ông L và bà O chung sống từ năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn và vợ chồng đã có 4 con chung là sự thật. Mặc dù, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, ông L và bà O đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho ông L được ly hôn với bà O .

Về con chung: Hiện nay, 04 (bốn) người con chung là Huỳnh Văn Á (nam) sinh năm 1979, Huỳnh Cẩm L1 (nữ) sinh năm 1981, Huỳnh Thị Cẩm Đ (nữ) sinh năm 1983 và Huỳnh Thị Cẩm L2 (nữ) sinh năm 1985 đã thành niên, lao động được và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về tài sản chung: nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng tại đơn ngày 30/10/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị O trình bày có tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, tuy nhiên tại đơn yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án ly hôn đề ngày 06/8/2024 bà Lê Thị O không yêu cầu chia tài sản chung và khẳng định sẽ tự thỏa thuận với ông L , không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu về việc chia tài sản chung khi ly hôn của bà O .

[2.3] Về nợ chung: Các đương sự khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), do ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị O cùng chịu. Theo đó ông Huỳnh Văn L chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng); Bà Lê Thị O chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông L và bà O là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Lê Thị O .

2. Về con chung: Hiện nay, 04 (bốn) người con chung là Huỳnh Văn Á (nam) sinh năm 1979, Huỳnh Cẩm L1 (nữ) sinh năm 1981, Huỳnh Thị Cẩm Đ (nữ) sinh năm 1983 và Huỳnh Thị Cẩm L2 (nữ) sinh năm 1985 đã thành niên, lao động được, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của bị đơn về việc chia tài sản chung khi ly hôn, do bị đơn bà Lê Thị O rút yêu cầu.

4. Về nợ chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), do ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị O cùng chịu. Theo đó ông Huỳnh Văn L chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng); Bà Lê Thị O chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Nhưng ông L và bà O là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hiếu